

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH Tuần 30 (25/7-29/7/2022)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

IMF hạ dự báo tăng trưởng kinh tế, nâng mức dự báo lạm phát toàn cầu;
Hoạt động sản xuất, dịch vụ một số nền kinh tế lớn tháng 7/2022;
Kinh tế Mỹ quý II tiếp tục tăng trưởng âm, lạm phát chi tiêu tiêu dùng cao nhất hơn 40 năm;
Khu vực EURO tăng trưởng quý II/2022 cao hơn 2 quý gần đây nhưng lạm phát vượt dự báo;
Fed tiếp tục nâng lãi suất cơ bản thêm 0,75%.
FDI vào Trung Quốc tăng trên 17% trong nửa đầu năm 2022;
Giá dầu giảm tháng thứ 2 liên tiếp;

Kinh tế - tài chính Việt Nam

Đại học Havard dự báo Việt Nam trong top 10 tăng trưởng kinh tế nhanh nhất trong 8 năm tới; Standard Chartered dự báo GDP Việt Nam 2022 tăng 6,9%, kinh tế phục hồi mạnh mẽ vào những tháng cuối năm;
Tổ chức tín dụng cận “room” là do tập trung nhiều vào cho vay trung, dài hạn;
Trong tuần, NHNN bơm ròng 57.217,88 tỷ VND ra thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở;
Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh giảm;
Từ đầu năm 2022, KBNN đã huy động được 83.422 tỷ đồng qua đấu thầu;
Khối ngoại đã mua ròng ở gần 1.230 tỷ đồng trong tuần.

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/- 1W	%+/- M	%+/- Y
Qua đêm	0,78	-1,38	0,07	0,05
1 Tuần	1,49	-0,70	0,2	0,06
2 Tuần	2,46	0,71	0,91	0,23
1 Tháng	2,8	-0,32	-0,15	0,57
3 Tháng	3,88	0,78	0,32	1,29
6 Tháng	4,14	-0,49	0,04	0,92
9 Tháng*	4,49	-0,16	-0,32	1,23

Ghi chú:

Nguồn: NHNN

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	Khối lượng gói thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
25/7/2022	7	2,5	10.000	17/17	9.999,73	2,5
26/7/2022	7	2,5	10.000	20/8	14.999,99	3,8
27/7/2022	7	2,5	10.000	16/11	14.999,99	3,9
28/7/2022	7	2,5	10.000	15/7	4.999,9	4,0
29/7/2022	7	2,5	10.000	7/2	999,99	4,3
Tổng cộng			50.000		49.999,6	

Nguồn: NHNN

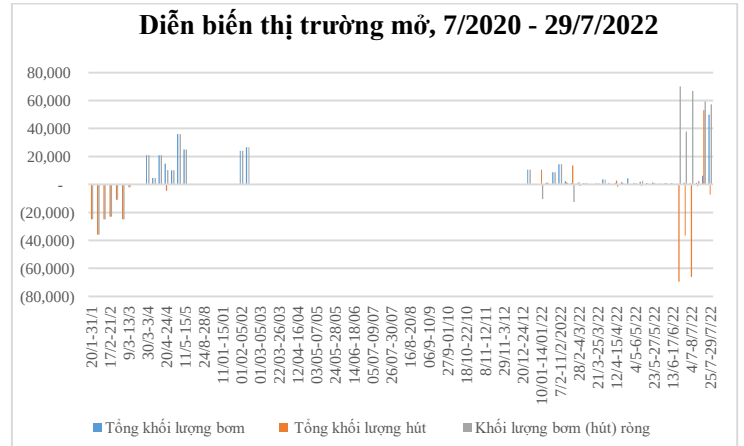
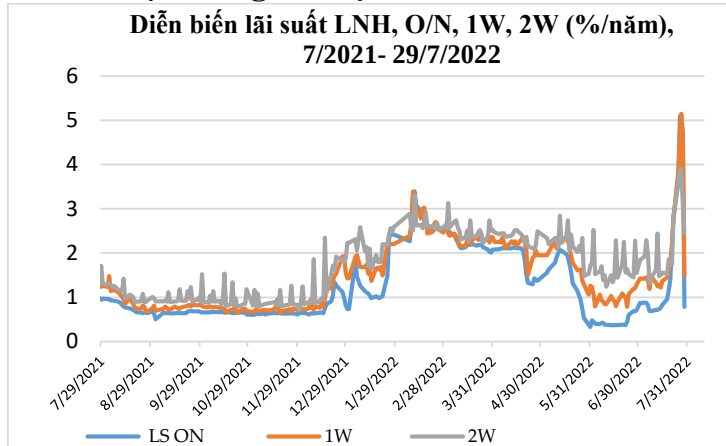
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2022		Tuần 30 (25/7/2022 - 29/7/2022)		
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1.54		1.25		
Tỷ lệ trúng thầu (%)		41%		18%		
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)		
1	3 Năm	14.000				
2	5 Năm	14.000		1.000		
3	7 Năm	3.000				
4	10 Năm	74.800		3.500		
5	15 Năm	68.700		3.500		
6	20 Năm	10.500		500		
7	30 Năm	16.500				
	Tổng	201.500		8.500		
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	
1	3 Năm	12.600	2,2 - 3,6			
2	5 Năm	11.400	1,55 - 3,4	500	3,4 - 3,4	
3	7 Năm	6.050	1,3 - 2,95			
4	10 Năm	143.876	2,05 - 4,5	6.351	2,58 - 4,5	
5	15 Năm	109.905	2,33 - 4,3	3.750	2,95 - 4,3	
6	20 Năm	6.915	2,73 - 3,5	0		
7	30 Năm	19.560	2,94 - 3,6			
	Tổng	310.306		10.601		
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	+/- điểm %
1	3 Năm	4.700	2,3 - 2,4			+0
2	5 Năm	300	2,39 - 2,7	0	0 - 0	
3	7 Năm	0	0 - 0			
4	10 Năm	39.277	2,07 - 2,58	1.500	2,58 - 2,58	+0,03
5	15 Năm	28.255	2,35 - 2,83	0	0 - 0	
6	20 Năm	2.265	2,75 - 2,75	0		
7	30 Năm	8.625	2,96 - 3,01			
	Tổng	83.422		1.500		

Nguồn: HNX

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

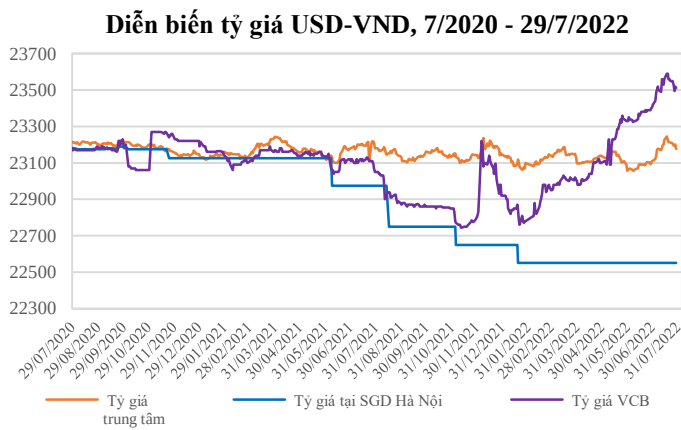
1. Thị trường tiền tệ



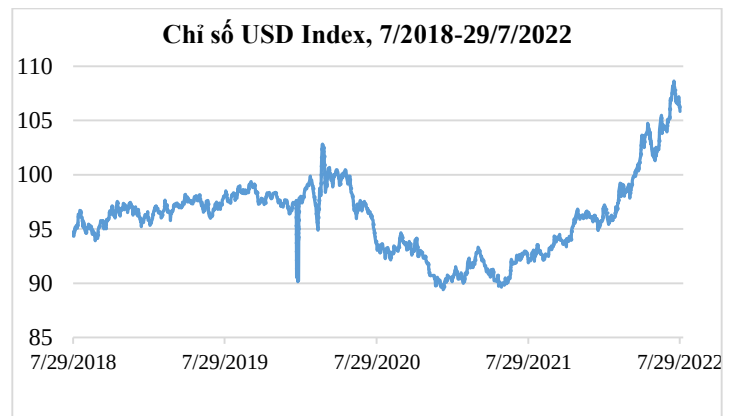
Nguồn: NHNN

Nguồn: NHNN

Thị trường ngoại hối

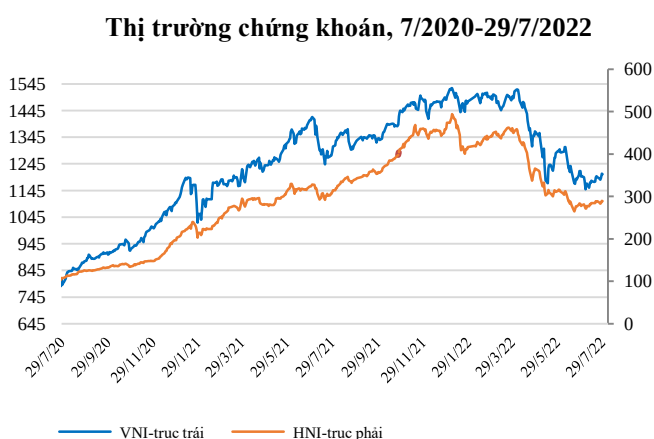


Nguồn: NHNN

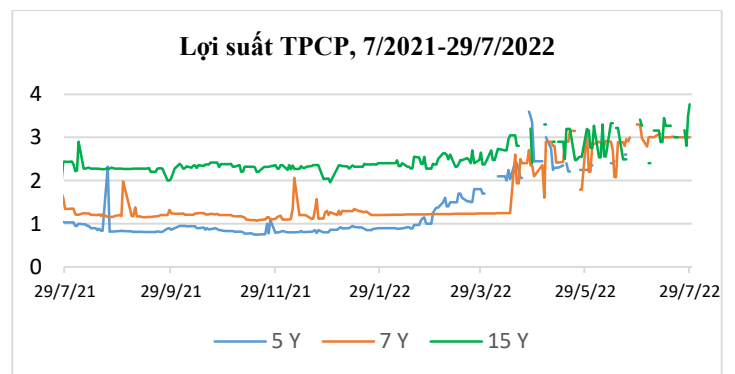


Nguồn: Trading economics

2. Thị trường cổ phiếu – trái phiếu



Nguồn: HNX, HSX



Nguồn: HNX

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ QUỐC TẾ TUẦN 30 (25/7-29/7/2022)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	2.50%	1.75 %	27/07/2022	05/09/2022
ECB	EURO Zone	0.50%	0.00 %	21/07/2022	08/09/2022
BOJ	Nhật Bản	-0.10%	0.00 %	29/01/2016	22/09/2022
PBoC	Tr/Quốc	3.70%	3.85 %	20/01/2022	NA
RBA	Úc	1.35%	0.85 %	05/07/2022	02/08/2022
BoE	Anh	1.25%	1.00 %	16/06/2022	04/08/2022
BOK	Hàn Quốc	2.25%	1.75 %	14/07/2022	25/08/2022
BI	Indonesia	3.50%	3.75 %	18/02/2021	23/08/2022
BNM	Malaysia	2.00%	1.75 %	11/05/2022	08/09/2022
BOT	Thái Lan	0.50%	0.25%	30/03/2022	10/08/2022
CBR	Nga	8.00%	9.50%	22/07/2022	16/09/2022

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
EURUSD	1.02257	0.11%	-2.39%	-13.84%
GBPUSD	1.21608	1.30%	0.01%	-12.55%
AUDUSD	0.69693	0.66%	1.03%	-5.08%
USDJPY	133.214	-2.10%	-1.92%	21.45%
USDCNY	6.75030	-0.10%	0.86%	4.41%
USDCAD	1.27930	-0.94%	-0.61%	2.59%
USDRUB	59.7500	7.42%	13.81%	-18.23%
USDKRW	1302.97	-0.54%	1.20%	13.16%
DXY	105.9030	-0.77%	1.16%	14.89%
USDTHB	36.2900	-0.96%	2.80%	10.34%
USDSGD	1.38040	-0.52%	-0.68%	1.90%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
US	2.6577	-0.12%	-0.32%	1.43%
UK	1.8620	-0.08%	-0.38%	1.30%
Japan	0.1750	-0.04%	-0.05%	0.16%
Australia	3.0780	-0.38%	-0.62%	1.89%
Germany	0.8250	-0.20%	-0.54%	1.28%
China	2.7590	-0.03%	-0.07%	-0.10%
Indonesia	7.1970	-0.29%	-0.05%	0.89%
Malaysia	3.9010	-0.11%	-0.37%	0.72%
Philippines	6.1500	-0.67%	-0.92%	2.26%
Singapore	2.6540	-0.13%	-0.31%	1.35%
South Korea	3.1270	-0.18%	-0.51%	1.25%
Taiwan	1.1400	-0.06%	-0.04%	0.73%
Thailand	2.5500	0.00%	-0.38%	0.95%
Vietnam	3.6320	0.21%	0.26%	1.48%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_ % 1 W	+/_ % 1 M	+/_ % YTD	+/_ % 1Y	+/_ % 3 Y
Dow Jones	+2.96%	+5.62%	-9.61%	-5.98%	+22.26%
S&P 500	+4.26%	+7.97%	-13.34%	-6.03%	+38.58%
Nasdaq	+4.70%	+11.35%	-20.80%	-15.55%	+51.56%
DAX	+1.74%	+5.24%	-15.11%	-13.25%	+10.62%
FTSE 100	+2.02%	+3.55%	+0.53%	+5.56%	-2.15%
CAC 40	+3.73%	+8.72%	-9.85%	-2.48%	+16.84%
Euro Stoxx 50	+3.10%	+7.53%	-13.73%	-9.32%	+6.96%
Nikkei 225	-0.40%	+7.19%	-3.44%	+1.90%	+29.18%
Shanghai	-0.51%	-3.97%	-10.62%	-4.24%	+10.94%
Hang Seng	-2.20%	-7.79%	-13.85%	-22.36%	-27.44%
SET	+1.53%	+0.24%	-4.90%	+3.58%	-7.92%
KOSPI	+2.44%	+6.34%	-17.67%	-23.45%	+21.09%
IDX	+0.93%	+2.31%	+5.62%	+14.52%	+8.77%
PSEi	+0.84%	+2.44%	-11.33%	+0.73%	-21.50%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	98.620	4.14%	-4.35%	33.36%
Natural gas USD/MMBtu	8.2645	0.85%	53.27%	111.15%
Gasoline USD/Gal	3.4881	15.24%	2.53%	49.40%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	1765.22	2.25%	-2.31%	-2.67%
Silver USD/t.oz	20.320	9.31%	0.36%	-20.19%
Lithium CNY/T	476500	0.21%	0.21%	423.63%
Platinum SD/t.oz	897.00	2.69%	0.35%	-14.49%

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	3.5840	6.95%	-3.46%	-20.01%
Steel CNY/T	4122.00	7.65%	-8.42%	-27.75%
Iron Ore USD/T	117.50	14.08%	-4.08%	-38.48%
Aluminum USD/T	2497.00	1.13%	2.11%	-3.88%
Tin USD/T	24353	-1.96%	-9.04%	-29.98%
Zinc USD/T	3307.00	10.47%	4.75%	9.11%
Nikel USD/T	23579	6.79%	4.13%	20.63%
Coal USD/T	407.90	-0.32%	5.69%	172.39%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 30/7/2022

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

IMF: Hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Trong báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu công bố tháng 7/2022, IMF dự báo nền kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng 3,2% trong năm nay và 2,9% vào năm 2023, lần lượt điều chỉnh giảm 0,4% và 0,7% so với dự báo hồi tháng 4/2022. Triển vọng tăng trưởng kém hơn ở Mỹ (giảm 1,4 điểm % xuống còn 2,3%), khu vực Euro (giảm 0,2% xuống còn 2,6%), Trung Quốc (dự kiến chỉ tăng 3,3% - thấp nhất trong vòng 4 thập kỷ) và Ấn Độ (giảm 0,8% còn 7,4%) là lý do khiến IMF hạ dự báo GDP toàn cầu của mình.

IMF chỉ rõ những rủi ro/thách thức như lạm phát toàn cầu tăng vọt, sự suy thoái tồi tệ hơn dự kiến ở Trung Quốc và hậu quả đang diễn ra từ căng thẳng chiến tranh ở Ukraine, các điều kiện tài chính toàn cầu thắt chặt hơn khiến gánh nặng nợ trầm trọng thêm ở các nền kinh tế đang phát triển...

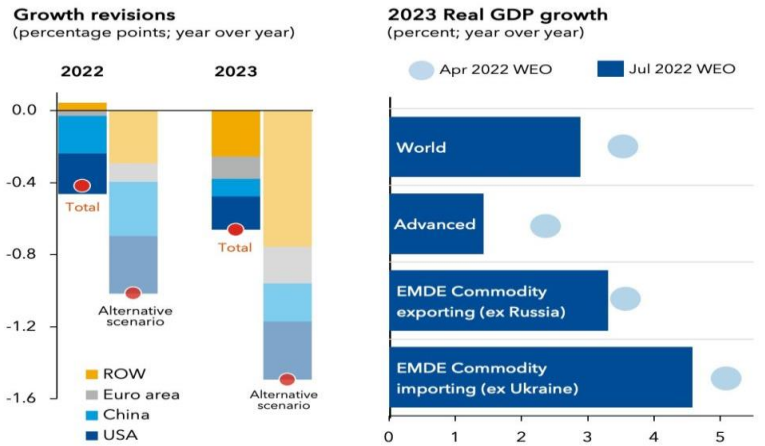
Lạm phát toàn cầu hiện được dự báo sẽ đạt 6,6% ở các nền kinh tế phát triển và 9,5% ở thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển trong năm 2022, lần lượt tăng 0,9% và 0,8% so với dự báo hồi tháng 4/2022.

Lạm phát ở châu Á nhẹ hơn so với nhiều khu vực khác nhưng đã cao hơn mức mục tiêu của ngân hàng trung ương nhiều nước trong khu vực.

IMF cũng điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2022 từ mức 6% trước đây lên 7%; đồng thời giữ nguyên mức dự báo lạm phát với Việt Nam trong năm 2022.

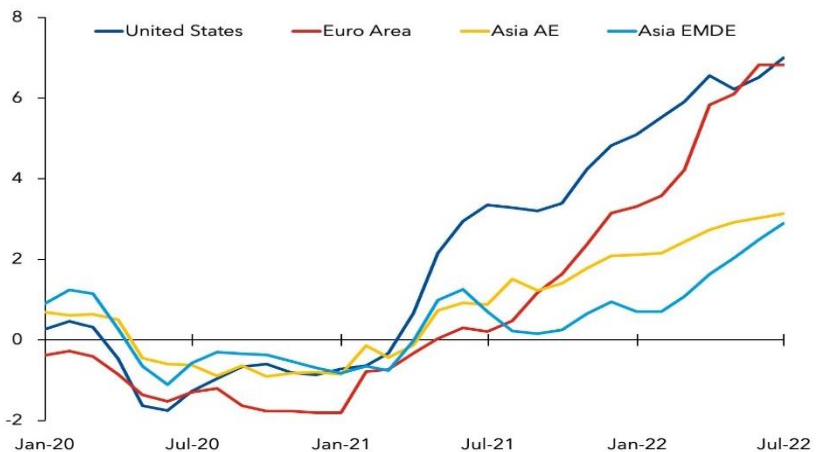
Slowing growth

Growth is forecast to slow to 3.2 percent this year and 2.9 percent next year, downgrades of 0.4 and 0.7 percentage points



Rising prices

Inflation is more moderate than in other regions but still above central bank targets in many Asian countries.
(annual inflation rate deviation from central bank targets, percentage points)



Dự báo tăng trưởng kinh tế châu Á

	2021	2022	2023
Asia emerging market and developing economies	7.2	4.6	5.1
Cambodia	3.0	5.1	6.2
China	8.1	3.3	4.6
India	8.7	7.4	6.1
Indonesia	3.7	5.3	5.2
Lao P.D.R.	2.1	2.2	3.1
Malaysia	3.1	5.1	4.7
Myanmar	-17.9	1.6	3.0
Nepal	4.2	4.2	5.0
Philippines	5.7	6.7	5.0
Thailand	1.5	2.8	4.0
Vietnam	2.6	7.0	6.7

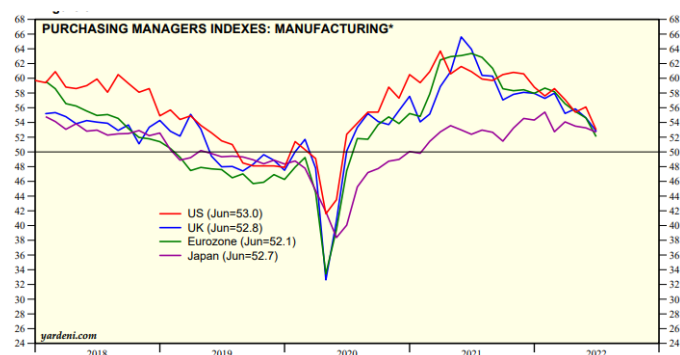
Nguồn: IMF

Hoạt động sản xuất, dịch vụ một số nền kinh tế lớn tháng 7/2022

Chỉ số PMI sản xuất của Trung Quốc bất ngờ giảm xuống vùng suy giảm (49 điểm), không đạt dự báo (50,4), do nhiều nơi vẫn thực hiện kiểm soát chặt tình trạng lây nhiễm Covid-19, nhiều doanh nghiệp và người dân bị quan về triển vọng kinh tế, giá cả nguyên vật liệu biến động mạnh, sức mua yếu đi.

PMI khu vực phi sản xuất cũng tăng trưởng yếu hơn so với tháng trước.

Tình hình sản xuất, kinh doanh tháng 7/2022 tại các nền kinh tế lớn khác như Mỹ, khu vực EURO, Nhật Bản đều tăng chậm lại hoặc suy giảm (Khu vực EURO và Trung Quốc suy giảm về sản xuất, Mỹ suy giảm về dịch vụ).



Mỹ: Quý II tiếp tục tăng trưởng âm, lạm phát chỉ tiêu tiêu dùng cao nhất hơn 40 năm
Ngày 28/7/2022, dữ liệu từ Cục Phân tích Kinh tế Mỹ (BEA) cho thấy, nền kinh tế Mỹ đã suy giảm 0,9%, thu hẹp trong quý II/2022, đánh dấu hai quý tăng trưởng GDP âm liên tiếp.

GDP: - 0,9%/-1,6% yoy; âm 2 quý liên tiếp

PCE: +6,8% yoy – cao nhất từ tháng 1/1982; +1% mom (tháng 6: +1,1%), tăng mạnh nhất kể từ tháng 9/2005 (Giá hàng hóa +1,5%, giá dịch vụ +0,6%; lương thực tăng 1%, năng lượng +7,5%)

PCE lõi: +0,6% mom

Chỉ số tâm lý tiêu dùng Michigan: 51,5 điểm so với 50 của tháng 6/2022.

Giá trị thương mại: -85,5 tỷ USD: thâm hụt giảm

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tuần cuối tháng 7/2022: 256.000 – giảm 5000.

Chỉ số nhà quản trị mua hàng sản xuất (PMI sản xuất)

	T4	T5	T6	T7
Mỹ	59.2	57.0	53.0	52.3
Khu vực EURO	55.5	54.6	52.1	49.6
Nhật Bản	53.5	53.3	52.7	52.1
Trung Quốc	47.4	49.6	50.2	49.0

Chỉ số nhà quản trị mua hàng dịch vụ (PMI dịch vụ)

	T4	T5	T6	T7
Mỹ	55.6	53.4	52.7	47.0
Khu vực EURO	57.7	56.1	53.0	50.6
Nhật Bản	50.7	52.6	54.0	51.2
Trung Quốc	41.9	47.8	54.7	53.8

(Số liệu các nền kinh tế Mỹ, châu Âu, Nhật Bản do S&P Global công bố sơ bộ, số liệu Trung Quốc do Tổng cục thống kê Trung Quốc công bố chính thức ngày 31/7/2022).

Nguồn: S&P Global/NBS China

Kinh tế Mỹ tiếp tục suy giảm trong quý 2/2022

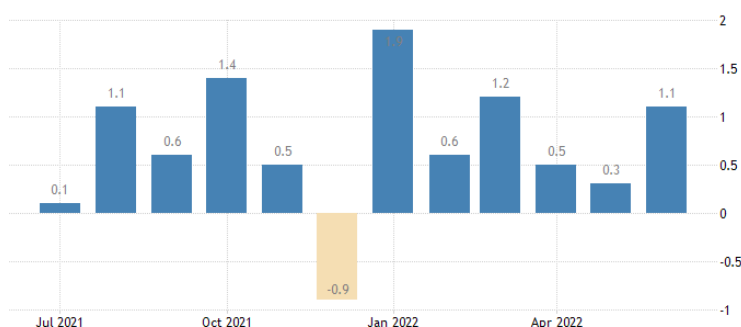
Real GDP: Percent change from preceding quarter



U.S. Bureau of Economic Analysis

Seasonally adjusted at annual rates

Chỉ số chi dùng cá nhân tháng 7/2022 tăng mạnh



TRADINGECONOMICS.COM | U.S. BUREAU OF ECONOMIC ANALYSIS

Nguồn: BEA/Tradingeconomics

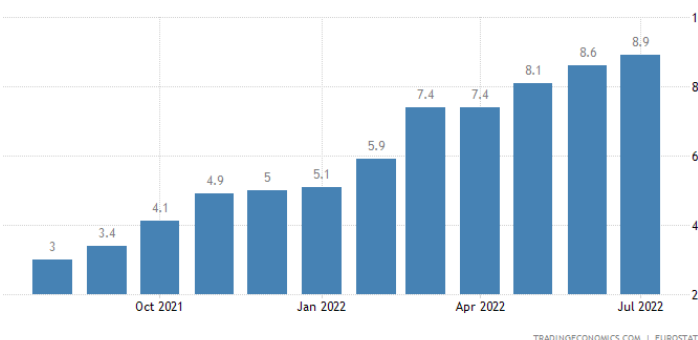
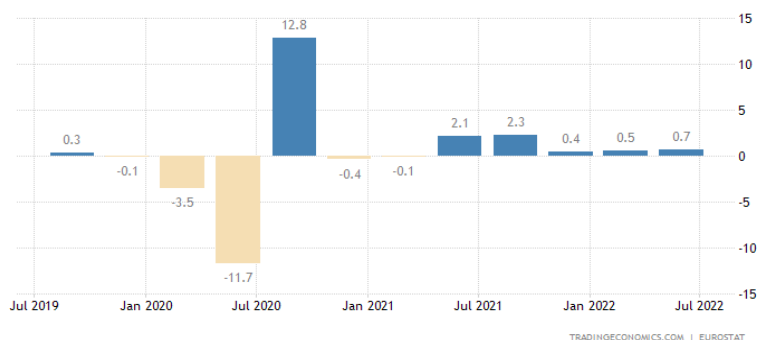
Khu vực EURO: Tăng trưởng quý II/2022 cao hơn 2 quý gần đây nhưng lạm phát vượt dự báo

Tăng trưởng kinh tế quý II/2022 đạt 0,7% yoy, vượt dự báo chỉ 0,2% (quý I là 0,5%), do nới lỏng các biện pháp hạn chế chống dịch Covid-19 và du lịch mùa hè ở những quốc gia miền nam châu Âu.

Khủng hoảng năng lượng và chiến tranh Ukraine còn kéo dài, nguy cơ cắt giảm khí đốt từ Nga đe dọa triển vọng mùa đông cũng như gia tăng áp lực lạm phát và tăng lãi suất ở khu vực Euro.

Lạm phát tháng 7/2022 tăng lên kỷ lục mới 8,9% yoy, vượt dự báo thị trường là 8,6% (tháng 6: 8,6%) và tăng 0,1% mom.

Lạm phát lõi (loại năng lượng, lương thực) tăng 4% (tháng 6: 3,7%).



Nguồn: eurostat/tradingeconomics

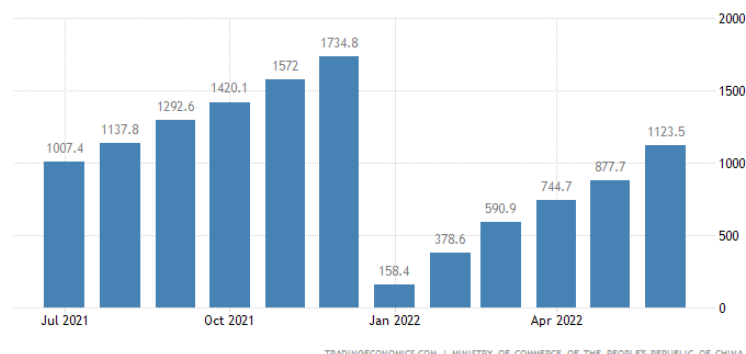
Trung Quốc: FDI tăng trên 17% trong nửa đầu năm 2022

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 6 tháng đầu năm 2022 tăng 17,4% yoy đạt 723,31 tỷ CNY (112,35 tỷ USD) trong 6 tháng đầu năm 2022.

FDI vào khu vực dịch vụ: +9,2%

FDI vào công nghiệp: +33,6%.

FDI tăng chủ yếu từ Hàn Quốc (37,2%), Mỹ (26,1%), Đức (13,9%)...



Nguồn: CNBC/Tradingeconomics

Giá hàng hóa thế giới

Nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (G7) dự định sẽ triển khai cơ chế áp giá trần với dầu mỏ xuất khẩu của Nga muộn nhất là vào ngày 5/12 khi các biện pháp trừng phạt của Liên minh châu Âu (EU) cấm nhập khẩu dầu thô Nga có hiệu lực.

G7 dự kiến sẽ công bố mức giá trần mà nhóm này áp dụng với dầu mỏ xuất khẩu từ Nga để các nước khác có thể tham khảo trong đàm phán giá với Nga.

Trước thông tin trên, Nga tuyên bố sẽ không cung cấp dầu cho các quốc gia quyết định áp đặt giá trần đối với dầu mỏ của nước này.

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần trước, hợp đồng dầu Brent giao tháng 9, hết hạn vào ngày thứ Sáu, tăng 2.89 USD lên 110.03 USD/thùng. Hợp đồng dầu Brent giao tháng 10 tiến 2.30 USD lên 104.13 USD/thùng. Tuy nhiên, cả 2 hợp đồng dầu Brent và dầu WTI đều ghi nhận *tháng suy giảm thứ 2 liên tiếp, lần lượt giảm 4.6% và 6.8%*.

Các nguồn tin của OPEC+ cho biết nhóm sẽ xem xét không thay đổi sản lượng dầu trong tháng 9, với 2 nguồn tin của OPEC+ cho biết mức tăng nhẹ sẽ được đưa ra thảo luận trong cuộc họp ngày 3/8/2022.

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, hợp đồng vàng giao ngay tiến 0.4% lên 1,761.59 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai cộng 0.7% lên 1,762.9 USD/oz.

Giá Vàng vẫn ghi nhận tháng giảm thứ 4 liên tiếp. Kim loại quý đã sụt hơn 300 USD kể từ khi vượt mốc 2,000 USD hồi tháng 3/2022, khi Fed bắt đầu lộ trình nâng lãi suất nhanh chóng trong khi đồng USD cũng nổi lên như một kênh trú ẩn an toàn được ưa thích trong bối cảnh rủi ro suy thoái ngày càng tăng.

Giá gạo xuất khẩu từ Thái Lan và Việt Nam giảm do nguồn cung tăng cao, trong khi đồng USD mạnh hạn chế hoạt động

gạo nhập khẩu vào Bangladesh, quốc gia đang bị lũ lụt, trong tuần này.

Tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm giảm xuống 400 USD/tấn trong tuần này, giảm so với mức 420 USD/tấn của tuần trước. Tại Việt Nam, giá gạo 5% tấm giảm xuống mức 395-413 USD/tấn, giảm từ mức 415- 420 USD/tấn của tuần trước.

Nguồn: Bloomberg/Tradingeconomics

II. Thị trường tài chính

NHTW các nước

Fed: Tăng lãi suất cơ bản thêm 0,75 %

Ngày 27/7/2022, Fed đã tiếp tục nâng lãi suất cơ bản thêm 0,75% nhằm ứng phó với mức lạm phát cao nhất trong vòng 40 năm. Như vậy, FED đã gia tăng biên độ lãi suất cơ bản lên từ 2,25% tới 2,5%.

Chủ tịch Fed nêu rõ: Fed chịu rủi ro nâng quá mức và gây ra suy thoái nặng hơn mức cần thiết, nhưng cũng có rủi ro nâng quá ít và để lạm phát dai dẳng trong nền kinh tế.

Để kiểm soát lạm phát, Fed buộc phải nâng lãi suất, có thể tỷ lệ thất nghiệp sẽ tăng và nền kinh tế sẽ phải giảm xuống dưới mức tiềm năng.



Nguồn: Fed/CNBC

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. Kinh tế vĩ mô

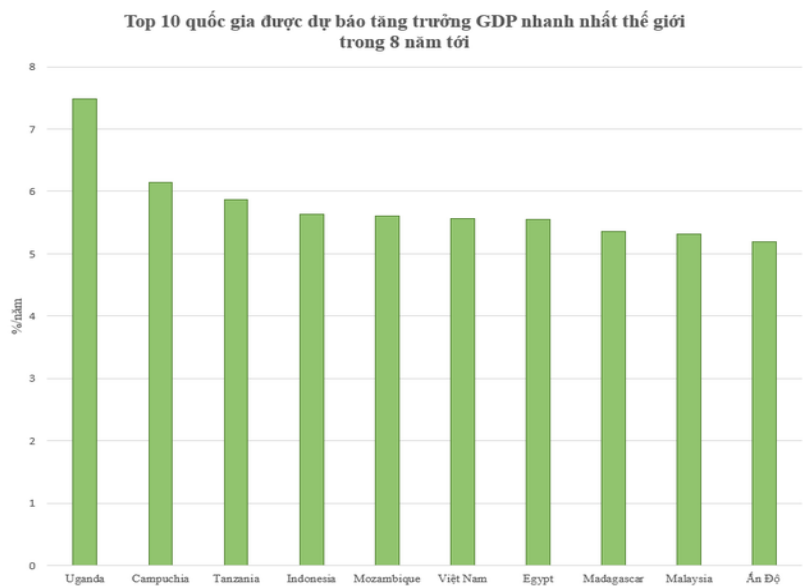
Dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam

Trung tâm Phát triển Quốc tế Đại học Harvard (Mỹ) dự báo Việt Nam lọt top 10 quốc gia có tăng trưởng GDP nhanh nhất thế giới trong 8 năm tới.

Trong các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á, chỉ có Campuchia, Indonesia, Việt Nam và Malaysia lọt top 10 quốc gia được dự báo có tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong 8 năm tới nhanh nhất thế giới. Cụ thể, Campuchia (6,14%/năm, xếp thứ 2); Indonesia (5,64%/năm, xếp thứ 4); Việt Nam (5,56%/năm, xếp thứ 6) và Malaysia (5,31%, xếp thứ 9).

Xét trong quy mô khu vực Đông Nam Á, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình của Việt Nam trong 8 năm tới nằm trong top nhanh nhất của khu vực Đông Nam Á.

(Dự báo tăng trưởng các nền kinh tế đến năm 2030 của Đại học Harvard (Mỹ)).



GDP 2022 tăng 6,9%, phục hồi mạnh mẽ những tháng cuối năm

Ngân hàng Standard Chartered dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam quý 3/2022 sẽ đạt 10,8% và quý 4 là 3,9%; tăng trưởng GDP cả năm 2022 đạt 6,7%.

Lạm phát sẽ tăng lên 3,6% trong tháng 7/2022, so với mức 3,4% trong tháng 6/2022 – mức nhanh nhất trong 2 năm trở lại đây, chủ yếu do các áp lực từ phía nguồn cung, trong khi đó áp lực từ phía nguồn cầu cũng dần gia tăng.

Tổ chức tín dụng cận “room” là do tập trung nhiều vào cho vay trung, dài hạn

Theo Ngân hàng Nhà nước, với bản chất hoạt động ngân hàng chủ yếu tập trung cho vay ngắn hạn, cho vay bổ sung vốn lưu động thì thường xuyên có nguồn thu nợ, cho vay. Tuy nhiên, một số TCTD chủ yếu cho vay trung dài hạn, tập trung vào lĩnh vực bất động sản nên thời gian quay vòng vốn chậm, không thu hồi được nợ nhanh, nên dẫn đến hết dư địa tăng trưởng tín dụng. Theo đó, việc xử lý ách tắc dòng vốn của thị trường bất động sản cần được cân nhắc và tiếp cận theo nhiều nguồn vốn khác nhau, và không đẩy rủi ro tới hệ thống ngân hàng.

Dư nợ tín dụng bất động sản đến cuối tháng 6/2022 cao hơn tăng trưởng tín dụng chung của toàn hệ thống và cùng kỳ các năm trước trong khi tín dụng ngân hàng chỉ giải quyết được các vấn đề trước mắt, tạm thời đối với thị trường bất động sản về nguồn vốn cho sự phát triển của thị trường này.

Tổ chức này đánh giá nhiên liệu gia tăng trong khi đó giá các mặt hàng khác trong rổ lạm phát vẫn ở mức khá thấp. Áp lực giá cả, đặc biệt là thực phẩm và nhiên liệu, có thể sẽ tăng vào nửa cuối năm 2022 và trong năm 2023 nhưng quá trình hồi phục của nền kinh tế sẽ diễn ra mạnh mẽ trong nửa cuối năm, đặc biệt khi lĩnh vực du lịch đã được mở cửa trở lại sau 2 năm đóng cửa; đồng thời cũng dự báo Ngân hàng Nhà nước sẽ giữ lãi suất chính sách ở mức 4% trong năm 2022 để hỗ trợ các doanh nghiệp cũng như quá trình tăng trưởng của nền kinh tế mặc dù lạm phát đang gia tăng.

Nguồn: Standard Chartered

Đến hết tháng 6/2022, tổng dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản đạt trên 2,36 triệu tỷ đồng, tăng 14,07% so với cuối năm 2021, chiếm 20,74% tổng dư nợ tín dụng toàn hệ thống (cùng kỳ năm 2021 tăng 8,2%, chiếm 19,9%). Trong đó, tín dụng đối với bất động sản kinh doanh tăng 8,19%, chiếm 33% dư nợ tín dụng lĩnh vực bất động sản; tín dụng bất động sản phục vụ mục đích tự sử dụng tăng 17,2%, chiếm 67% dư nợ tín dụng lĩnh vực bất động sản. Nợ xấu lĩnh vực bất động sản khoảng 36,4 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với 31/12/2021, tỷ lệ nợ xấu là 1,54% (năm 2021 là 1,67%).

Tín dụng ngân hàng được đẩy mạnh quá mức vào bất động sản sẽ tạo rủi ro lớn, ảnh hưởng trọng yếu tới an toàn hệ thống các TCTD nói riêng và nền kinh tế nói chung. Do nhu cầu tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản thường có thời gian vay vốn dài (hiện nay, khoảng 94% dư nợ tín dụng bất động sản có thời gian vay vốn từ 10 - 25 năm), trong khi nguồn huy động của hệ thống TCTD chủ yếu là ngắn hạn với lãi suất thay đổi theo thị trường (80% nguồn vốn huy động của hệ thống TCTD là tiền gửi ngắn hạn).

Nguồn: baodautu.vn

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Thị trường tiền tệ trong tuần 30 (25/7-29/7/2022)

- Lãi suất VND LNH có phiên giao dịch các ngày đầu tuần tăng mạnh nhất kể từ phiên giao dịch đầu năm 2019, sau đó giảm trở lại ở phiên cuối tuần.
- Trong tuần không chào thầu kỳ hạn 14 ngày như thường lệ, thay vào đó kỳ hạn 7 ngày có khối lượng trúng thầu lớn nhất kể từ đầu năm đến nay.

- Lãi suất VND LNH tăng mạnh 3 phiên đầu tuần và giảm trở lại 2 phiên cuối tuần ở tất cả các kỳ hạn. Chốt ngày 29/07, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 3,83% (+1,26 đpt so với phiên cuối tuần trước đó); 1W 3,92% (+1,24 đpt); 2W 3,72% (+0,95 đpt); 1M 3,68% (+0,91%).

- Trên thị trường mở, NHNN chào thầu trên kênh cầm cố đều với kỳ hạn 07 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 49.999,6 tỷ đồng trúng, lãi suất tăng dần từ 2,5% đến 4,3%.

Trong tuần có 1.161,32 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN trong tuần qua. Có 12.379,6 tỷ đồng tín phiếu đến hạn trong tuần. Như vậy, NHNN bơm ròng 57.217,88 tỷ VND ra thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.2. Thị trường ngoại hối

- Diễn biến thị trường ngoại tệ và tỷ giá USD/VND trong tuần 30.

- Tỷ giá trung tâm giảm 36 đồng so với cuối tuần trước.

- Chỉ số USD Index trong tuần 30 vẫn được duy trì ở mức trung bình cao kể từ khi Fed tăng lãi suất. Chốt phiên cuối tuần ở mức 105.828 điểm, tăng 0,716 điểm so với cuối phiên tuần trước.

- Trong tuần từ 25/07 - 29/07, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh giảm ở hầu hết các phiên. Chốt tuần 29/07, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.176 VND/USD, giảm mạnh 36 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

- Tỷ giá mua giao ngay được NHNN giữ nguyên niêm yết ở mức 22.550 đồng. Tỷ giá bán giao ngay được NHNN niêm yết ở mức 23.400 VND/USD trong cả tuần.

- Tỷ giá niêm yết của SBV tăng ở phiên cuối tuần. Chốt phiên cuối tuần ở mức 23.510 VND/USD, giảm 40 đồng so với cuối phiên tuần trước và giảm 10 đồng so với phiên ngày hôm trước.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp:

Tuần 30 (25/7/2022 - 29/7/2022)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **1.500/ 8.500** tỷ đồng, trúng tương ứng với tỷ lệ là 18%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng là: 10 năm - lãi suất 2,58% (+ 0,03 điểm % so với tuần trước).

Lũy kế từ đầu năm 2022, KBNN đã huy động được 83.422 tỷ đồng qua đấu thầu.

Trên thị trường thứ cấp:

Tuần 30 (25/7/2022 - 29/7/2022).

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 4.590 tỷ đồng/ phiên, giảm 41% so với tuần trước. Lợi suất ngày cuối tuần TPCP biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại có phát sinh giao dịch như sau:

2 năm	tăng	0.4	điểm %
15 năm	tăng	0.0401	điểm %
25 năm	tăng	0.75	điểm %

Nguồn: HNX; HSX; NHNN

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán: Tuần qua các chỉ số chính của thị trường có điều chỉnh tăng nhẹ so với tuần trước, thanh khoản không thay đổi nhiều với bình quân là 14 nghìn tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là 1206,33 điểm (+11,57 điểm; +1%) và HNXIndex đóng cửa ở 288,61 điểm (-0,22 điểm; - 0,08 %) so với tuần giao dịch trước;

Khối ngoại đã mua ròng ở gần 1.230 tỷ đồng trong tuần.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 29/7/2022 giảm so với tuần trước và còn ở mức là 71,8%. Với mức này thì giảm 17 điểm % so với cuối năm 2020 và giảm 51,64% so với cuối năm 2021.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày cuối tuần. (6,32 triệu tỷ VND)

2. GDP TCTK công bố 4 quý gần nhất- FMSIS (8,810 triệu tỷ VND)

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
MỘT SỐ VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH				
Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
1. Chính phủ, bộ ngành				
VPCP	Công văn số 4648/VPCP-KTTH của Văn phòng Chính phủ: V/v nghiên cứu đề xuất giảm các loại thuế, phí	25/7/2022	25/07/2022	https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=0&mode=1&maxresults=50
2. Ngân hàng				
3. Tài chính				
BTC	Công văn số 7182/BTC-ĐT của Bộ Tài chính: V/v Tình hình thanh toán vốn đầu tư nguồn NSNN lũy kế 6 tháng, ước thực hiện 7 tháng kế hoạch năm 2022	25/7/2022	25/7/2022	https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=0&mode=1&maxresults=50
II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO				
Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
1. Chính phủ, bộ ngành				
2. Ngân hàng				
3. Tài chính				
BTC	Dự thảo Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số.../2022/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính	28/07/2022		https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/cd/du-thao-van-ban

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA